

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2020
Về việc: “*Xin ly hôn*”

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Tấn.

Bà Nguyễn Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở tòa án. TAND huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 133/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01-7-2020 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 06-7-2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Ngô Thị Ngọc G**, sinh năm: 1983 (có mặt).

Cư trú: ấp Hải Hưng, xã Tân Lập, huyện T, tỉnh L.

Bị đơn: **Ông Lê Văn M**, sinh năm: 1979 (có mặt).

Cư trú: ấp Hải Hưng, xã Tân Lập, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và trong quá trình xét xử bà Ngô Thị Ngọc G trình bày nội dung vụ kiện như sau:

Bà và ông M chung sống năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện T, tỉnh L. Quá trình chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông M ghen tuông, tính tình khó khăn với vợ con và mâu thuẫn trong chuyện tiền bạc. Giữa vợ chồng có xảy ra cãi vã, bà và ông M đã ly hôn từ tháng 3 – 4/2020 cho đến nay. Bà xét thấy cuộc sống gia đình không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung: quá trình chung sống có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 05/10/2005 và Lê Thị Hồng H, sinh ngày 21/6/2009. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn M trình bày:

Ông và bà G chung sống với nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng cũng có mâu thuẫn, nguyên nh là do bà G hay uống rượu, nên giữa vợ chồng có xảy ra cãi vã. Nay bà G yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 05/10/2005 và Lê Thị Hồng H, sinh ngày 21/6/2009, nếu Tòa án giải quyết cho ông và bà G ly hôn, ông yêu cầu nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nh: tại phiên tòa bà G, ông M thống nhất trình bày là vợ chồng chung sống với nhau vào 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nh dân xã Tân Lập, huyện T, tỉnh L vào ngày 13/5/2005, nên cuộc hôn nh của bà G và ông M là hôn nh hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nh theo bà G là do ông M có tính ghen tuông, trong cuộc sống khó khăn với vợ con và còn mâu thuẫn trong chuyện tiền bạc từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và đánh nhau, nên giữa vợ chồng cắt đứt quan hệ từ tháng 3-4/2020 cho đến nay. Nay bà G xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu ly hôn. Ông M trình bày giữa vợ chồng cũng có mâu thuẫn, mà nguyên nh là do bà G thường uống rượu từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã, do muốn con có đầy đủ cha, mẹ nên trước yêu cầu xin ly hôn của bà G, ông M không đồng ý ly hôn. Xét thấy thời gian giữa bà G và ông M cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 3-4/2020 cho đến nay mặc dù thời gian không dài, nhưng tại phiên tòa ông M cũng thừa nhận là từ khi vợ chồng cắt đứt quan hệ cho đến nay, mặc dù vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau và ông M không có động tác nào để thể hiện thiện chí hàn gắn lại H phúc, cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Do đó nếu kéo dài cuộc sống chung vợ chồng thì mục đích hôn nh không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 của luật hôn nh và gia đình.

[2] Về con chung: bà G và ông M trình bày thống nhất là quá trình chung sống có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 05/10/2005 và Lê Thị Hồng H, sinh ngày 21/6/2009 hiện đang sống cùng ông bà. Khi ly hôn bà G yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung. Xét thấy hiện hai con chung đều trên 07 tuổi, tại bản tự khai cùng ngày 08/6/2020, cháu H có nguyện vọng là sống với cha, hay mẹ đều được, cháu H thì có nguyện vọng sống với bà G. Xét thấy hai con chung của ông M và bà G là con gái, nên giao hai con chung cho bà G được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của luật hôn nh và gia đình. Về phần cấp dưỡng nuôi con, do bà G không yêu cầu, nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: bà G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; các Điều 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ngọc G.

1. Về hôn nhân: bà Ngô Thị Ngọc G được ly hôn với ông Lê Văn M.

2. Về con chung: giao cho bà Ngô Thị Ngọc G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên: Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 05/10/2005 và Lê Thị Hồng H, sinh ngày 21/6/2009. Ông Lê Văn M không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: bà Ngô Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000995, ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang án phí.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận

- Tòa án tỉnh L;
- VKS huyện T;
- THA huyện T;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN ĐỨC BẢO

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH L**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 7 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nH dân huyện T

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo

Hội thẩm nH dân: Ông Hà Minh Tấn và bà Nguyễn Thị Duyên.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nH gia đình thụ lý số 133/2020/TLST- HNST ngày 01 tháng 7 năm 2020 về vụ án ly hôn giữa:

Nguyên đơn: **Bà Ngô Thị Ngọc G**, sinh năm: 1983 (có mặt).

Cư trú: ấp Hải Hưng, xã Tân Lập, huyện T, tỉnh L.

Bị đơn: **Ông Lê Văn M**, sinh năm: 1979 (có mặt).

Cư trú: ấp Hải Hưng, xã Tân Lập, huyện T, tỉnh L.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về những vấn đề cần giải quyết:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; các Điều 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nH và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ngọc G.

1. Về hôn nH: bà Ngô Thị Ngọc G được ly hôn với ông Lê Văn M.

2. Về con chung: giao cho bà Ngô Thị Ngọc G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên: Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 05/10/2005 và Lê Thị Hồng H, sinh ngày 21/6/2009. Ông Lê Văn M không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nH, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nH và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về án phí:

Bà Ngô Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000995, ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 15 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HÀ MINH TẤN

NGUYỄN THỊ DUYÊN

NGUYỄN ĐỨC BẢO
